

Câu 26: Một hình vuông có chu vi 8000mm thì cạnh của hình vuông là:

- A. 32m B. 20m C. 320m D. 2m

Câu 27: So sánh $5\text{ha } 35\text{dam}^2$ và 53500m^2 :

- A. $5\text{ha } 35\text{dam}^2 = 53500\text{m}^2$ B. $5\text{ha } 35\text{dam}^2 > 53500\text{m}^2$ C. $5\text{ha } 35\text{dam}^2 < 53500\text{m}^2$

Câu 28: Một hộp bút có $\frac{70}{100}$ số bút màu đỏ, $\frac{25}{100}$ số bút màu vàng, còn lại là bút màu xanh.

Hỏi bút màu xanh chứa bao nhiêu phần trăm số bút của hộp ?

- A. $\frac{15}{100}$ B. $\frac{5}{100}$ C. $\frac{25}{100}$ D. $\frac{35}{100}$

Câu 29: Tìm số để điền vào ô trống: $600\text{dam}^2 200\text{m}^2 = 6 \frac{1}{\square} \text{ha}$

- A. 30 B. 40 C. 50 D. 60

Câu 30: Một hình vuông có cạnh bằng $1\frac{1}{2}$ m thì diện tích là:

- A. $1\frac{1}{4}\text{m}^2$ B. $3\frac{1}{4}\text{m}^2$ C. $5\frac{1}{4}\text{m}^2$ D. $2\frac{1}{4}\text{m}^2$

Câu 31: Tìm số để điền vào ô trống: $\square \frac{1}{3} : 2\frac{3}{5} = 1\frac{2}{3}$.

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 1

Câu 32: $\frac{4}{5}$ số sách trên bàn là 16 quyển. Hỏi trên bàn có mấy quyển sách ?

- A. 15 B. 20 C. 25 D. 30

Câu 33: Viết kết quả phép tính $\frac{1}{4} + \frac{9}{20}$ thành số thập phân mẫu bằng 10:

- A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{1}{10}$ C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{9}{10}$

Câu 34: $\frac{4}{5}$ của $6\frac{2}{3}$ m là:

- A. $15\frac{1}{3}\text{m}$ B. $25\frac{1}{3}\text{m}$ C. $10\frac{1}{3}\text{m}$ D. $5\frac{1}{3}\text{m}$

Câu 35: Viết $27\frac{1}{2}$ m dưới dạng số đo dam:

- A. $2\frac{3}{4}\text{dam}$ B. $1\frac{3}{4}\text{dam}$ C. $3\frac{3}{4}\text{dam}$ D. $5\frac{3}{4}\text{dam}$

Câu 36: Tìm x biết: $5\frac{3}{7} - x = 2\frac{1}{3}$.

- A. $x = \frac{63}{21}$ B. $x = 3\frac{2}{21}$ C. $x = \frac{62}{21}$ D. $x = 2\frac{2}{21}$

Câu 37: Tìm hai số tự nhiên a và b biết: $a+b = 8$ và phân số $\frac{a}{b} = \frac{1}{3}$

- A. $a = 3$ và $b = 5$ C. $a = 2$ và $b = 6$

- B. $a = 1$ và $b = 7$

- D. $a = 14$ và $b = 6$



Thư viện tiểu học - Ươm mầm tương lai